

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 35



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Lê Thị Hà Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Quang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016)
Bà Sừ Bùi Bảo Ngọc	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016)
Ông Trần Sỹ Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hòa	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Trọng Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2016)
Ông Nguyễn Anh Đức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2016)
Ông Nguyễn Thành Quang	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

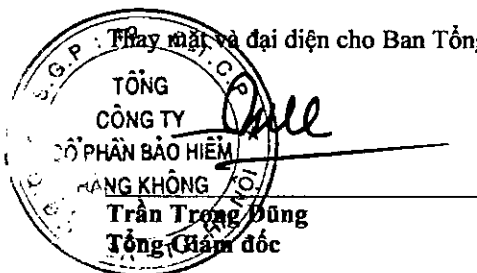
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tray mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 03 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Khúc Thị Đan Anh**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MÀU SỐ B 01a-DNPNT**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>1.013.203.157.875</b>	<b>740.946.496.883</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>121.877.841.548</b>	<b>212.146.243.133</b>
1. Tiền	111		106.877.841.548	97.146.243.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	115.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>287.211.778.058</b>	<b>291.457.840.093</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		287.398.926.633	296.518.665.960
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(187.148.575)	(5.060.825.867)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>457.131.794.812</b>	<b>108.786.773.741</b>
1. Phải thu khách hàng	131		130.837.810.673	146.579.981.392
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	69.855.218.964	79.308.118.449
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	60.982.591.709	67.271.862.943
2. Trả trước cho người bán	132		2.591.260.675	1.379.731.256
3. Các khoản phải thu khác	135	9	364.353.838.173	1.407.535.642
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(40.651.114.709)	(40.580.474.549)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.340.856.018</b>	<b>10.345.595.357</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	10.923.492.405	9.407.640.509
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		9.848.341.731	8.692.614.003
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1.075.150.674	715.026.506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.009.742	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		373.353.871	937.954.848
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>12</b>	<b>135.640.887.439</b>	<b>118.210.044.559</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		67.167.735.508	69.978.903.204
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		68.473.151.931	48.231.141.355
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>91.902.450.630</b>	<b>240.841.347.151</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.680.329.528</b>	<b>7.179.875.928</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	7.680.329.528	7.179.875.928
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		6.000.000.000	6.000.000.000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		1.680.329.528	1.179.875.928
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.939.673.035</b>	<b>5.088.927.353</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.849.112.309	4.967.416.617
<i>Nguyên giá</i>	222		20.731.240.767	17.958.638.951
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.882.128.458)	(12.991.222.334)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	90.560.726	121.510.736
<i>Nguyên giá</i>	228		1.310.350.000	1.310.350.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.219.789.274)	(1.188.839.264)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>75.836.400.000</b>	<b>227.990.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		75.836.400.000	227.990.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.446.048.067</b>	<b>582.543.870</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.446.048.067	582.543.870
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.105.105.608.505</b>	<b>981.787.844.034</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

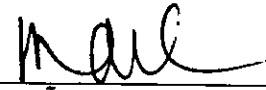
**MÃ SỐ B 01a-DNPNT**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>592.855.327.402</b>	<b>465.943.377.723</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>591.619.521.648</b>	<b>463.717.296.947</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	15	90.000.000.000	-
2. Phải trả cho người bán	312		108.478.843.003	129.784.410.696
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	16	104.042.486.606	129.083.400.086
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		4.436.356.397	701.010.610
3. Người mua trả tiền trước	313		13.097.640.948	7.927.703.441
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	7.708.582.090	5.226.920.470
5. Phải trả người lao động	315		10.609.656.635	7.450.715.975
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	12.094.677.973	21.408.397.165
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	18	6.541.562.854	5.861.510.364
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		816.979.806	715.883.635
9. Dự phòng nghiệp vụ	329	19	342.271.578.339	285.341.755.201
9.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		185.291.984.656	163.563.162.570
9.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		124.182.996.349	90.347.042.346
9.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		32.796.597.334	31.431.550.285
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.235.805.754</b>	<b>2.226.080.776</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.000.000	1.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.234.805.754	2.225.080.776
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>512.250.281.103</b>	<b>515.844.466.311</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>512.250.281.103</b>	<b>515.844.466.311</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		10.010.455.688	9.892.570.140
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.239.825.415	5.951.896.171
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.105.105.608.505</b>	<b>981.787.844.034</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	30/6/2016	31/12/2015
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	VND	45.230.939.452	95.350.349.293
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.902.654.577	4.902.654.577
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD		2.589.955,90
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR		74,99

  
Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng



  
Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MÃ SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	119.906.318.668	90.123.262.993
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	21.357.597.345	23.775.267.443
3. Thu nhập khác	13	74.858.797	19.512.691
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	121.293.805.179	73.357.983.209
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	2.185.136.738	10.972.536.437
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	14.930.429.671	14.919.885.560
7. Chi phí khác	24	7.091.282	277.353.715
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	2.922.311.940	14.390.284.206
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	564.600.977	3.155.345.882
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60	2.357.710.963	11.234.938.324

---

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**  
Đơn vị: VND**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>190.399.397.005</b>	<b>178.662.781.444</b>
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		198.153.246.691	151.447.569.377
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		13.974.972.400	15.817.511.395
- Tăng/(Giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		21.728.822.086	(11.397.700.672)
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>22</b>	<b>78.434.385.743</b>	<b>94.882.723.925</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		75.623.218.047	80.426.197.164
- (Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(2.811.167.696)	(14.456.526.761)
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)</b>	<b>03</b>		<b>111.965.011.262</b>	<b>83.780.057.519</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>7.941.307.406</b>	<b>6.343.205.474</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		7.366.150.535	6.329.089.078
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		575.156.871	14.116.396
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>119.906.318.668</b>	<b>90.123.262.993</b>
<b>6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)</b>	<b>11</b>		<b>36.851.876.685</b>	<b>31.989.392.279</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		36.851.876.685	31.989.392.279
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		-	-
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>5.740.919.570</b>	<b>8.483.680.406</b>
<b>8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>		<b>33.835.954.003</b>	<b>5.958.741.246</b>
<b>9. Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>20.242.010.576</b>	<b>3.853.869.545</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>15</b>	<b>23</b>	<b>44.704.900.542</b>	<b>25.610.583.574</b>
<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn</b>	<b>16</b>		<b>1.365.047.049</b>	<b>793.773.401</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>17</b>	<b>24</b>	<b>75.223.857.588</b>	<b>46.953.626.234</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		9.777.624.519	10.142.487.907
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		65.446.233.069	36.811.138.327

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Mã số		
		Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18	121.293.805.179	73.357.983.209	
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19	(1.387.486.511)	16.765.279.784	
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	21.357.597.345	23.775.267.443
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	26	2.185.136.738	10.972.536.437
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		19.172.460.607	12.802.731.006
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.930.429.671	14.919.885.560
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		2.854.544.425	14.648.125.230
20. Thu nhập khác	31		74.858.797	19.512.691
21. Chi phí khác	32		7.091.282	277.353.715
22. Lãi/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		67.767.515	(257.841.024)
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.922.311.940	14.390.284.206
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	564.600.977	3.155.345.882
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.357.710.963	11.234.938.324


Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng
  
Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 03a-DNPNT**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	264.300.012.552	211.152.606.951
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(178.231.475.448)	(186.345.117.353)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.091.427.775)	(15.598.634.856)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(5.993.372.627)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.086.664.510	7.339.213.313
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(380.959.029.841)	(19.167.900.246)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(312.895.256.002)</b>	<b>(8.613.204.818)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.040.783.634)	(235.304.099)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(401.346.400.000)	(399.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	537.704.800.000	316.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.589.700.335	24.206.030.179
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>148.907.316.701</b>	<b>(59.029.273.920)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	90.000.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>74.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(89.987.939.301)</b>	<b>(67.642.478.738)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>212.146.243.133</b>	<b>154.727.820.786</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(280.462.284)	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)</b>	<b>70</b>	<b>121.877.841.548</b>	<b>87.085.342.048</b>

*Nguyễn Thị Thu Hương*

Nguyễn Thị Thu Hương  
 Người lập biểu

*Nguyễn Hoàng Mai*

Nguyễn Hoàng Mai  
 Kế toán trưởng



*Trần Trọng Dũng*  
 Trần Trọng Dũng  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

# **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 500 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 406 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 276).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

#### **Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và mười bảy (17) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 tới ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Tổng Công ty.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

#### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tài sản tài chính của Tổng Công ty do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DNPNT

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Công cụ tài chính (Tiếp theo)

##### *Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)*

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

##### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### *Các khoản đầu tư tài chính*

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
Phương tiện vận tải	(Năm) 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng nghiệp vụ**

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

*Dự phòng phí chưa được hưởng:* Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

*Dự phòng dao động lớn:* Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

**Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

***Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) được hạch toán khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.

***Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong năm, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong kỳ để chuyển sang phân bổ vào các kỳ sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

**Ghi nhận chi phí**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/6/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.503.745.892	813.983.122
Tiền gửi ngân hàng	102.874.095.656	96.332.260.011
Tiền đang chuyển	2.500.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	15.000.000.000	115.000.000.000
	<b>121.877.841.548</b>	<b>212.146.243.133</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT****6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>287.398.926.633</b>	<b>(187.148.575)</b>	<b>296.518.665.960</b>	<b>(5.060.825.867)</b>
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>6.898.926.633</i>	<i>(187.148.575)</i>	<i>34.518.665.960</i>	<i>(5.060.825.867)</i>
- Tổng giá trị cổ phiếu	6.898.926.633	(187.148.575)	34.518.665.960	(5.060.825.867)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>280.500.000.000</i>	-	<i>262.000.000.000</i>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	244.500.000.000	-	262.000.000.000	-
- Trái phiếu (iii)	36.000.000.000	-	-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>75.836.400.000</b>	-	<b>227.990.000.000</b>	-
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	-	-	<i>226.000.000.000</i>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	-	-	190.000.000.000	-
- Trái phiếu (iii)	-	-	36.000.000.000	-
<i>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>75.836.400.000</i>	-	<i>1.990.000.000</i>	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	75.836.400.000	-	1.990.000.000	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.
- (ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (iii) Bao gồm khoản đầu tư vào trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam với mệnh giá 36.000.000.000 VND, thời hạn 10 năm. Trái phiếu đáo hạn tại ngày 06 tháng 6 năm 2017, lãi suất danh nghĩa 9,2%/năm.
- (iv) Thể hiện khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, số tiền 1.990.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm và khoản đầu tư mua 1.571.200 cổ phiếu OTC của Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Thống Nhất với số tiền 73.846.400.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**7. PHẢI THU VÉ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu phí bảo hiểm gốc</b>	<b>46.169.233.791</b>	<b>43.783.748.704</b>
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	16.707.786.139	14.120.199.858
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	29.461.447.652	29.663.548.846
+ Công ty bảo hiểm PVI	28.252.310.290	29.050.314.098
+ Công ty bảo hiểm khác	1.209.137.362	613.234.748
<b>b) Phải thu phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>12.448.050.608</b>	<b>12.559.434.710</b>
<b>c) Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>9.470.097.337</b>	<b>20.894.249.464</b>
<b>d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>1.161.400.860</b>	<b>1.473.338.932</b>
<b>e) Phải thu khác</b>	<b>606.436.368</b>	<b>597.346.639</b>
	<b>69.855.218.964</b>	<b>79.308.118.449</b>

**8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	13.871.338.888	18.731.541.665
Phải thu lãi trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	220.800.000	1.876.800.000
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	46.662.595.121	46.662.595.121
Phải thu khác	227.857.700	926.157
	<b>60.982.591.709</b>	<b>67.271.862.943</b>

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi với giá trị lần lượt là 30.251.110.969 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng (Thuyết minh số 10).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>364.353.838.173</b>	<b>1.407.535.642</b>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	360.011.500.000	53.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (i)	210.000.000.000	-
- Ông Lê Minh Thắng (ii)	150.000.000.000	-
- Khác	11.500.000	53.000.000
Tạm ứng	3.843.656.464	1.006.157.665
Phải thu ngắn hạn khác	498.681.709	348.377.977
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.680.329.528</b>	<b>7.179.875.928</b>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	1.680.329.528	1.179.875.928
	<b>372.034.167.701</b>	<b>8.587.411.570</b>

(i) Thể hiện khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội theo Hợp đồng môi giới trái phiếu số 01.2016/MGTP/VNI-SHS có thời hạn từ ngày 29 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phí giữ cọc là 8,5%/năm trên tổng số tiền thực giữ.

(ii) Thể hiện khoản đặt cọc cho ông Lê Minh Thắng theo Thỏa thuận tìm kiếm trụ sở Văn phòng số 01/2016/TTĐC/VNI-LE MINH THANG với thời hạn tìm kiếm địa điểm trụ sở tối đa đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Khoản đặt cọc này không có tài sản đảm bảo hay nghĩa vụ bảo lãnh nào từ ông Lê Minh Thắng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***10. NỢ XẤU**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	58.814.898.402	40.651.114.709	58.683.240.707	40.580.474.549
+ Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	46.662.595.121	33.272.401.590	46.662.595.121	33.272.401.590
+ Các đối tượng khác	12.152.303.281	7.378.713.119	12.020.645.586	7.308.072.959

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Phí bảo hiểm gốc	251.584.792	253.378.026	548.244.769	3.005.796.201	4.059.003.788
Phải thu tái bảo hiểm	4.161.314.031	2.253.002.640	889.657.407	789.325.415	8.093.299.493
<b>Cộng</b>	<b>4.412.898.823</b>	<b>2.506.380.666</b>	<b>1.437.902.176</b>	<b>3.795.121.616</b>	<b>12.152.303.281</b>

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Năm 2015 VND
<b>1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	8.692.614.003	10.084.462.832
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	5.402.250.858	8.693.718.912
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(4.246.523.130)	(10.085.567.741)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<b>9.848.341.731</b>	<b>8.692.614.003</b>
<b>2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>		
	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.075.150.674	715.026.506
	<b>10.923.492.405</b>	<b>9.407.640.509</b>

**12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM**

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	67.167.735.508	69.978.903.204
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	68.473.151.931	48.231.141.355
	<b>135.640.887.439</b>	<b>118.210.044.559</b>

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	7.785.453.232	10.173.185.719	17.958.638.951
Mua sắm mới	2.592.601.818	179.999.998	2.772.601.816
Tại ngày 30/6/2016	<b>10.378.055.050</b>	<b>10.353.185.717</b>	<b>20.731.240.767</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	4.275.874.375	8.715.347.959	12.991.222.334
Trích khấu hao	570.564.039	320.342.085	890.906.124
Tại ngày 30/6/2016	<b>4.846.438.414</b>	<b>9.035.690.044</b>	<b>13.882.128.458</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2016	<b>5.531.616.636</b>	<b>1.317.495.673</b>	<b>6.849.112.309</b>
Tại ngày 31/12/2015	<b>3.509.578.857</b>	<b>1.457.837.760</b>	<b>4.967.416.617</b>

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 9.174.298.009 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.240.378.718 VND).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01/01/2016	1.310.350.000
Tại ngày 30/6/2016	1.310.350.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2016	1.188.839.264
Trích khấu hao	30.950.010
Tại ngày 30/6/2016	1.219.789.274
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2016	90.560.726
Tại ngày 31/12/2015	121.510.736

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.000.000.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: là 1.000.000.000 VND).

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	90.000.000.000	90.000.000.000	-	-
	90.000.000.000	90.000.000.000	-	-

(\*) Thể hiện khoản rút vốn trong hạn mức thấu chi từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 0206/2016/HĐHMTC-PN/SHB-110200 ngày 02 tháng 6 năm 2016. Thời hạn của khoản vay từ ngày 08 tháng 6 năm 2016 đến ngày 03 tháng 01 năm 2017. Khoản vay được bảo đảm bởi các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, và chịu lãi suất 7,67%/năm. Lãi vay được trả khi kết thúc thời hạn vay.

**16. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>85.450.361.146</b>	<b>93.626.466.127</b>
Công ty Willis Singapore	35.386.241.876	38.459.444.987
Công ty Willis London	33.317.363.099	38.710.706.146
Các khoản phải trả khách hàng khác	16.746.756.171	16.456.314.994
<b>b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>3.514.003.117</b>	<b>4.809.925.988</b>
<b>c) Phải trả bồi thường bảo hiểm</b>	<b>9.922.133.492</b>	<b>26.007.942.265</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	1.156.047.485	16.479.512.561
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	3.432.736.115	3.839.394.133
Các khoản phải trả khách hàng khác	5.333.349.892	5.689.035.571
<b>d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm</b>	<b>1.507.875.718</b>	<b>1.553.063.443</b>
<b>e) Phải trả khác</b>	<b>3.648.113.133</b>	<b>3.086.002.263</b>
	<b>104.042.486.606</b>	<b>129.083.400.086</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	937.954.848	-	564.600.977	373.353.871
<b>Cộng</b>	<b>937.954.848</b>	<b>-</b>	<b>564.600.977</b>	<b>373.353.871</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế GTGT	3.180.596.261	12.100.747.974	9.570.256.244	5.711.087.991
Thuế thu nhập cá nhân	198.103.505	738.845.012	811.415.912	125.532.605
Thuế nhà thầu nước ngoài	928.455	26.315.309	25.711.163	1.532.601
Thuế, phí phải nộp khác	1.847.292.249	128.635.492	105.498.848	1.870.428.893
	<b>5.226.920.470</b>	<b>12.994.543.787</b>	<b>10.512.882.167</b>	<b>7.708.582.090</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Năm 2015 VND
<b>1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	5.861.510.364	9.722.136.820
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	3.549.488.381	5.861.510.364
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(2.869.435.891)	(9.722.136.820)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<b>6.541.562.854</b>	<b>5.861.510.364</b>
<b>2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>31/12/2015 VND</b>
Phải trả bảo hiểm xã hội	131.682.735	3.155.778
Phải trả bảo hiểm y tế	24.440.151	2.213.798
Phải trả kinh phí công đoàn	290.266.387	268.481.365
Phải trả các cổ đông	10.214.413.900	20.714.413.900
Phải trả khác	1.433.874.800	420.132.324
	<b>12.094.677.973</b>	<b>21.408.397.165</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Tại ngày 30/6/2016		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>	<b>124.182.996.349</b>	<b>68.473.151.931</b>	<b>55.709.844.418</b>
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	112.754.622.815	64.253.582.708	48.501.040.107
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	11.428.373.534	4.219.569.223	7.208.804.311
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng</b>	<b>185.291.984.656</b>	<b>67.167.735.508</b>	<b>118.124.249.148</b>
<b>Cộng</b>	<b>309.474.981.005</b>	<b>135.640.887.439</b>	<b>173.834.093.566</b>

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
Số dư đầu kỳ	90.347.042.346	48.231.141.355	42.115.900.991
Số trích lập trong kỳ	33.835.954.003	20.242.010.576	13.593.943.427
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>124.182.996.349</b>	<b>68.473.151.931</b>	<b>55.709.844.418</b>

2. Dự phòng phí chưa được hưởng	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
Số dư đầu kỳ	163.563.162.570	69.978.903.204	93.584.259.366
Số trích lập/(hoàn nhập) trong kỳ	21.728.822.086	(2.811.167.696)	24.539.989.782
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>185.291.984.656</b>	<b>67.167.735.508</b>	<b>118.124.249.148</b>

**3. Dự phòng dao động lớn**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	
	VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	31.431.550.285	29.607.597.710
Số trích lập thêm trong kỳ/năm	1.365.047.049	1.823.952.575
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>32.796.597.334</b>	<b>31.431.550.285</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2015	500.000.000.000	9.579.312.447	27.121.508.493	536.700.820.940
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	11.234.938.324	11.234.938.324
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	561.746.916	(561.746.916)	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>10.141.059.363</b>	<b>37.794.699.901</b>	<b>547.935.759.264</b>
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2016	500.000.000.000	9.892.570.140	5.951.896.171	515.844.466.311
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	2.357.710.963	2.357.710.963
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	117.885.548	(117.885.548)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(451.896.171)	(451.896.171)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>10.010.455.688</b>	<b>2.239.825.415</b>	<b>512.250.281.103</b>

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

**Chi tiết nguồn vốn kinh doanh:**

	Vốn góp tại ngày 30/6/2016		Vốn góp tại ngày 31/12/2015	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần HUM	45.000.000.000	9%	45.000.000.000	9%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	45.000.000.000	9%	45.000.000.000	9%
Ông Phạm Ngọc Lâm	45.000.000.000	9%	45.000.000.000	9%
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	45.000.000.000	9%	45.000.000.000	9%
Công ty Cổ phần Nam Việt	-	0%	40.000.000.000	8%
Cổ đông khác	320.000.000.000	64%	280.000.000.000	56%
	<b>500.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Ngày 06 tháng 5 năm 2016, Công ty Cổ phần Nam Việt đã thoái toàn bộ số vốn góp vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không cho các nhà đầu tư.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Phí bảo hiểm gốc</b>	<b>198.182.743.876</b>	<b>151.558.058.508</b>
Bảo hiểm hàng không	49.129.566.535	57.328.745.261
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	4.736.819.475	3.079.728.245
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	11.039.074.500	7.270.781.418
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	9.000.684.603	6.241.260.842
Bảo hiểm xe cơ giới	111.463.717.485	67.847.989.177
Bảo hiểm cháy nổ	8.333.152.594	5.919.067.607
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.478.051.605	1.241.504.865
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2.976.287.800	2.610.186.378
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	25.389.279	18.794.715
<b>Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc</b>	<b>(29.497.185)</b>	<b>(110.489.131)</b>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>14.125.749.926</b>	<b>15.822.725.689</b>
Bảo hiểm hàng không	19.408.713	4.443.912.260
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	1.226.876.036	-
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	7.909.294.102	7.178.460.337
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	169.642.561	108.419.757
Bảo hiểm xe cơ giới	-	-
Bảo hiểm cháy nổ	3.306.001.343	2.703.967.753
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.400.929.187	1.356.922.724
Bảo hiểm trách nhiệm chung	63.125.268	23.546.007
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	30.472.716	7.496.851
<b>Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(150.777.526)</b>	<b>(5.214.294)</b>
<b>(Tăng)/Giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(21.728.822.086)</b>	<b>11.397.700.672</b>
	<b>190.399.397.005</b>	<b>178.662.781.444</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>75.623.218.047</b>	<b>80.426.197.164</b>
Bảo hiểm hàng không	47.434.891.745	59.760.770.596
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	54.536.105	209.573.136
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	10.608.803.645	6.701.600.232
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	5.241.850.505	3.603.137.935
Bảo hiểm xe cơ giới	1.564.735.030	830.707.761
Bảo hiểm cháy nổ	8.696.386.054	7.217.594.620
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.115.739.187	1.074.755.299
Bảo hiểm trách nhiệm chung	867.060.664	1.004.868.382
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	39.215.112	23.189.203
<b>Giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>2.811.167.696</b>	<b>14.456.526.761</b>
	<b>78.434.385.743</b>	<b>94.882.723.925</b>

**23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Tổng chi bồi thường</b>	<b>36.851.876.685</b>	<b>31.989.392.279</b>
Bảo hiểm hàng không	1.421.066.649	6.052.999.138
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	2.114.225.406	1.431.112.203
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	3.955.668.561	3.125.588.255
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	460.034.725	1.890.933.566
Bảo hiểm xe cơ giới	24.328.651.137	18.053.520.658
Bảo hiểm cháy nổ	3.241.651.116	303.881.069
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.282.432.728	724.710.736
Bảo hiểm trách nhiệm chung	48.146.363	392.057.952
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	14.588.702
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(5.740.919.570)</b>	<b>(8.483.680.406)</b>
<b>Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>33.835.954.003</b>	<b>5.958.741.246</b>
<b>(Tăng) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(20.242.010.576)</b>	<b>(3.853.869.545)</b>
	<b>44.704.900.542</b>	<b>25.610.583.574</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***24. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (Phân loại lại) VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	9.777.624.519	10.142.487.907
Chi đòi người thứ ba	105.280.981	34.322.132
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	11.359.428	29.386.363
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	86.288.561	50.691.435
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	809.132.337	405.547.583
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	33.263.303.909	21.433.560.889
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác BH	31.026.670.056	14.721.649.794
Chi khác	144.197.797	135.980.131
	<b>75.223.857.588</b>	<b>46.953.626.234</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.123.396.891	20.261.409.347
Lãi đầu tư trái phiếu	2.316.339.796	2.316.339.796
Lãi kinh doanh chứng khoán	7.154.513.609	239.320.342
Cổ tức, lợi nhuận được chia	576.561.931	693.468.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	186.785.118	264.729.358
	<b>21.357.597.345</b>	<b>23.775.267.443</b>

**26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	486.755.204	594.122.576
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(4.873.677.292)	3.086.451.841
Chi phí đầu tư chứng khoán	6.150.208.826	6.186.051.821
Chi phí lãi vay	421.850.000	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1.105.910.199
	<b>2.185.136.738</b>	<b>10.972.536.437</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.944.258.738	8.353.203.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.200.971.623	3.945.245.492
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	70.640.160	646.061.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	435.179.115	998.715.179
Chi phí dụng cụ văn phòng	122.819.712	71.193.821
Chi phí vật liệu quản lý	535.798.560	143.014.694
Thuế, phí và lệ phí	248.151.413	167.001.857
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	246.440.865	543.629.084
Chi phí quản lý khác	126.169.485	51.821.182
	<b>14.930.429.671</b>	<b>14.919.885.560</b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.922.311.940	14.390.284.206
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(576.561.931)	(693.468.600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	477.254.876	645.665.678
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.823.004.885</b>	<b>14.342.481.284</b>
Thuế suất thông thường	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>564.600.977</b>	<b>3.155.345.882</b>

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh bảo hiểm, các khoản đầu tư vào lĩnh vực khác kinh doanh khác là không đáng kể. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong cùng một khu vực địa lý cũng như cùng phạm vi môi trường kinh tế. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***30. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

	Từ 01/7/2015 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND
<b>I. Biên khả năng thanh toán (I=(1)-(2)-(3)-(4))</b>	<b>375.743.810.811</b>	<b>470.725.879.867</b>
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	512.250.281.103	547.935.759.264
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	30.034.761.120	28.297.277.681
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	106.471.709.172	48.912.601.716
<b>II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]</b>	<b>59.880.730.393</b>	<b>48.433.908.694</b>
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	59.880.730.393	40.305.007.420
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	47.298.530.353	48.433.908.694
<b>III. So sánh (I) và (II)</b>		
Theo số tuyệt đối	<b>315.863.080.418</b>	<b>422.291.971.173</b>
Theo tỷ lệ phần trăm	<b>627%</b>	<b>972%</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.877.841.548	212.146.243.133
Phải thu khách hàng và phải thu khác	450.696.877.673	106.400.884.820
Đầu tư ngắn hạn	287.211.778.058	291.457.840.093
Đầu tư dài hạn	75.836.400.000	227.990.000.000
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	68.473.151.931	48.231.141.355
Tài sản tài chính khác	1.680.329.528	1.179.875.928
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.005.776.378.738</b>	<b>887.405.985.329</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	90.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	120.128.131.703	150.919.956.920
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	124.182.996.349	90.347.042.346
<b>Tổng cộng</b>	<b>334.311.128.052</b>	<b>241.266.999.266</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

**Rủi ro bảo hiểm**

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Mức độ thường xuyên và tính chất nghiêm trọng của bồi thường bảo hiểm bị tác động bởi nhiều yếu tố. Yếu tố đáng chú ý nhất là mức độ gia tăng số trường hợp tranh chấp liên quan đến tòa án vẫn chưa được giải quyết hoặc xử lý chậm trong thời gian dài. Lạm phát ước tính cũng là nhân tố đáng kể do giải quyết những trường hợp này thường kéo dài qua nhiều năm. Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược cung cấp bảo hiểm, xây dựng tỉ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá trong tương lai.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2016	31/12/2015	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	70.672.408.969	72.590.704.726	80.472.567.380	105.014.345.230
Euro (EUR)	612.747.569	482.043.341	284.734.297	351.952.123
Đồng tiền khác	208.796.647	349.253.961	-	396.389

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm tương ứng 980.015.841 VND. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, theo đó, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 40.651.114.709 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 40.580.574.549 VND).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
<b>30/6/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.928.258.215	-	121.928.258.215
Phải thu khách hàng và phải thu khác	450.696.877.673	-	450.696.877.673
Đầu tư ngắn hạn	302.579.672.502	-	302.579.672.502
Đầu tư dài hạn	-	75.836.400.000	75.836.400.000
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	68.473.151.931	-	68.473.151.931
Tài sản tài chính khác	-	1.680.329.528	1.680.329.528
<b>Tổng cộng</b>	<b>943.677.960.321</b>	<b>77.516.729.528</b>	<b>1.021.194.689.849</b>
Các khoản vay	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	120.127.131.703	1.000.000	120.128.131.703
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	124.182.996.349	-	124.182.996.349
<b>Tổng cộng</b>	<b>334.310.128.052</b>	<b>1.000.000</b>	<b>334.311.128.052</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>609.367.832.269</b>	<b>77.515.729.528</b>	<b>686.883.561.797</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.696.840.355	-	212.696.840.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.400.884.820	-	106.400.884.820
Đầu tư ngắn hạn	297.366.306.760	-	297.366.306.760
Đầu tư dài hạn	3.367.200.000	244.208.733.333	247.575.933.333
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	48.231.141.355	-	48.231.141.355
Tài sản tài chính khác	-	1.179.875.928	1.179.875.928
<b>Tổng cộng</b>	<b>668.062.373.290</b>	<b>245.388.609.261</b>	<b>913.450.982.551</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	151.192.807.861	1.000.000	151.193.807.861
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	90.347.042.346	-	90.347.042.346
<b>Tổng cộng</b>	<b>241.539.850.207</b>	<b>1.000.000</b>	<b>241.540.850.207</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>426.522.523.083</b>	<b>245.387.609.261</b>	<b>671.910.132.344</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**32. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần HUM	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Chủ sở hữu
Ông Phạm Ngọc Lâm	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Nam Việt	Chủ sở hữu
	(Thoái vốn ngày 06 tháng 5 năm 2016)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Cùng có quyền biểu quyết bởi thành viên là nhân sự chính trong Ban điều hành Công ty

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***32. SƠ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Nam Việt</b>		
Công ty chi trả cổ tức	2.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần HUM</b>		
Cổ tức phải trả	495.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long</b>		
Cổ tức phải trả	495.000.000	-
<b>Ông Phạm Ngọc Lâm</b>		
Cổ tức phải trả	495.000.000	-
<b>Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội</b>		
Cổ tức phải trả	495.000.000	-

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:*

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>Ông Phạm Ngọc Lâm</b>		
Phải trả cổ tức	2.745.000.000	2.250.000.000
<b>Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội</b>		
Phải trả cổ tức	2.745.000.000	2.250.000.000
<b>Công ty Cổ phần HUM</b>		
Phải trả cổ tức	495.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long</b>		
Phải trả cổ tức	495.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội</b>		
Đặt cọc môi giới trái phiếu	210.000.000.000	-

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ là 1.032.593.157 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là: 1.061.565.000 VND).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Tổng Công ty phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015		
		Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	45.785.100.156	1.168.526.078	46.953.626.234
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	35.642.612.249	1.168.526.078	36.811.138.327
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.328.410.650	(1.408.525.090)	14.919.885.560
3. Chi phí khác	32	37.354.703	239.999.012	277.353.715


Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng

  
Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016